

Phụ lục: CHI TIẾT THÔNG TIN, YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA LẤY BÁO GIÁ
(Kèm theo Thư ngỏ số **3391** /DNA-TTV ngày **01/10/2026**)

Số: ; 01/10/2026; 14:41:50; +07:00

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Đơn hàng số 7:	Vật tư điện các loại											
1	Biến áp cách ly	Điện áp vào: 220, 380 VAC, Điện áp ra: 220VAC, Công suất: 100VA	Cái	4						≤60 ngày			
2	Biến áp cách ly	NDK-300, Input AC: 415V, 380V, 220V; Output AC: 220V, 110V, 48V, 36V, 24V, 12V, công suất: 300/750 VA	Cái	2						≤60 ngày			
3	Biến dòng	LZZBJ9-10A1Q; 10kV; Tỉ số: 700/5A; 2 cuộn thứ cấp; Cuộn đo lường cấp chính xác 0.5 10VA; Cuộn bảo vệ 10P10 15VA	Cái	2						≤60 ngày			
4	Biến tần	6SL3210-5BE23-0UV1; AC380-480VAC+-10%; 8.6A; 47-63Hz; input V7.3A 0-55Hz; công suất 3kW	Cái	1						≤90 ngày			Thay biến tần bơm định lượng keo tụ PU502
5	Biến tần	ACS355-03E-04A1-4; R1; IP20/UL Open type; 1.5 kW (2 HP); 380-480 V; 48-63 Hz; 4.1A	Cái	1						≤90 ngày			Bơm bùn khu vực D10 DNA-Pu05d
6	Biến tần	ACS580-01-039A-4+B056; N=18.5kW; 380V	Cái	1						≤90 ngày			Máy lọc đại ngang A-14YH2S001b
7	Biến tần	ATV930D90Y6; 500-690V; 90kW	Cái	1						≤90 ngày			Máy rửa cánh vuông NC.01.EV02
8	Biến tần	FC-360H2K2T4E20H2BXCDXXSXXXXXAXBX; 2.2kW, kèm theo màn hình điều khiển	Cái	1						≤90 ngày			Thay thế biến tần bơm chất trợ lắng sau pha A-09YH1S019d
9	Biến tần	VACON0100-3L-0310-5+IP00+EMC2; 380VAC; 160kW, đi kèm bộ kit VACON-PAN-HMDR-MK01-2M	Cái	1						≤90 ngày			Lắp đặt tủ biến tần thay thế cho tủ biến tần động cơ E-01S6S003c
10	Bình điện	12V; 20Ah; bình khô; kèm phụ kiện đấu nối	Cái	18						≤60 ngày			
11	Bình điện	12V; 65Ah; bình khô; kèm phụ kiện đấu nối	Cái	28						≤60 ngày			
12	Bình điện	12V; 90Ah; bình khô	Cái	10						≤60 ngày			
13	Bình điện	12V; 9AH; ECT-RA129VA2	Cái	2						≤60 ngày			
14	Bình điện	12V; 150Ah; bình nước	Cái	8						≤60 ngày			
15	Bóng đèn	12V-35W	Cái	2						≤60 ngày			
16	Bóng đèn	12V-4W	Cái	4						≤60 ngày			
17	Bóng đèn	12V-5W	Cái	2						≤60 ngày			
18	Bóng đèn	12VT4W3FS và P21W12V	Cái	2						≤60 ngày			
19	Bóng đèn	LED T5; BN068C 3.4W 0.3m; 6500K	Cái	30						≤60 ngày			
20	Bóng đèn	TR135ND1/60W; 220V; 60W; E27	Cái	323						≤60 ngày			
21	Bóng đèn led	20W; E27; 220V	Cái	20						≤60 ngày			
22	Bóng đèn led	Loại thả trần; 200x1200mm; 45W; bao gồm cáp treo	Cái	60						≤60 ngày			
23	Bóng đèn led	TR120ND1/50W; 220V; 50W; E27	Cái	110						≤60 ngày			

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
24	Bóng đèn led bán nguyệt	1m2; 50W; 220VAC	Cái	10						≤60 ngày			
25	Bóng đèn led bulb	65W; E27; 220V	Cái	20						≤60 ngày			
26	Bóng đèn led bulb trụ	TR100N1/30W; 6500k; E27; 220V	Cái	120						≤60 ngày			
27	Bóng đèn led bulb trụ	TR120N1/40W 6500k; E27; 220V	Cái	20						≤60 ngày			
28	Bóng đèn led bulb trụ	TR140N1/50W; 220V; 50W; E27	Cái	10						≤60 ngày			
29	Bóng đèn led highbay	200W; 220V; 6500K; HB08 300/200W	Cái	26						≤60 ngày			
30	Bộ bảo sự cố đường dây	SGS FI-3A2F/W; 22kV	Cái	3						≤60 ngày			
31	Bộ bảo vệ mất pha	XJ3-D L1/L2/L3; 50Hz; AC 380V; Ith3A; Ue/Ie AC-15, 380V/0.47A	Cái	1						≤60 ngày			
32	Bộ bóng đèn led	150W; 220VAC; CP06/150W	Cái	20						≤60 ngày			
33	Bộ bóng đèn led	150W; 220VAC; CP06/150W; ánh sáng vàng	Cái	37						≤60 ngày			
34	Bộ bóng đèn led	250W; 220VAC; ánh sáng trắng; IP66	Cái	24						≤60 ngày			
35	Bộ bóng đèn led	250W; 220VAC; ánh sáng vàng; IP66	Cái	4						≤60 ngày			
36	Bộ bóng đèn led	50W; 220VAC; CP06/50W; ánh sáng trắng	Cái	100						≤60 ngày			
37	Bộ bóng đèn led	CSD02/120W	Cái	50						≤60 ngày			
38	Bộ chuyển nguồn	ATS series ATyS; 3P; 250A; 208-277VAC; bao gồm bộ điều khiển ATS C25	Cái	2						≤60 ngày			
39	Bộ điều khiển	AtyS Controller C25 16000025	Cái	1						≤60 ngày			Tủ điện hạ thế A-15DD1S003.01
40	Bộ điều khiển	PFR120-200-50;12 cấp Mikro	Cái	1						≤60 ngày			Tủ điện hạ thế C-08DD1S003(a~k)
41	Bộ giắc cắm công nghiệp	16 chân 16A; IP65; 500V; vật liệu Polycarbonate	Cái	5						≤60 ngày			
42	Bộ giắc cắm công nghiệp	16 chân 16A; IP65; vật liệu hợp kim nhôm đúc	Cái	6						≤60 ngày			
43	Bộ lưu điện	C1KS-LCD; 1kVA; 220VAC; 50Hz	Cái	5						≤60 ngày			
44	Bộ lưu điện	C2K-LCD; 2kVA/1.8kW; bao gồm Pin	Cái	5						≤60 ngày			
45	Bộ lưu điện	Rack 2KS; 2KVA/1.8kW	Cái	2						≤60 ngày			
46	Bộ nguồn	Input: 115/230VAC; Output: 24V, 8.8A; LRS-200-24	Cái	3						≤60 ngày			
47	Cầu chì	10x38mm; 2A; Kèm đế RT18-32	Cái	6						≤60 ngày			
48	Cầu chì tự rơi	FCO 27KV-polymer; 3 pha; Loại 200A	Bộ	1						≤60 ngày			
49	Cầu đấu	JPT 2.5-TW (kèm nhãn đánh dấu 1-30 dùng cho 100 cầu đấu)	Cái	140						≤60 ngày			
50	Cầu đấu	JURTK/S	Cái	210						≤60 ngày			
51	CB	GV2ME20; 13-18A	Cái	2						≤60 ngày			

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
52	Công tắc	WEVH5151-51	Cái	56						≤60 ngày			
53	Công tắc	WEVH5511K/WEVH5511-7K; Dòng Halumie 1 Chiều	Cái	55						≤60 ngày			
54	Công tắc tơ	AF09-30-10-13; 3P; 9A; điện áp cuộn hút 100-250VAC/DC; kèm tiếp điểm phụ 1NO+1NC; TF42-4.2	Cái	2						≤60 ngày			
55	Công tắc tơ	AF09-30-10-13; 9A; điện áp cuộn hút 100-250VAC/DC; 1NO	Cái	11						≤60 ngày			
56	Công tắc tơ	AF190-30-11-13; 3P; 190A; điện áp cuộn hút 100-250VAC/DC; kèm tiếp điểm phụ 1NO+1NC; EF205-210	Cái	2						≤60 ngày			
57	Công tắc tơ	AX80-30-00-80; 80A; điện áp cuộn hút 220-230V AC 50Hz; kèm tiếp điểm phụ 2NO+2NC; kèm rơ le nhiệt TA75DU-80M (60-80A)	Cái	5						≤60 ngày			
58	Công tắc tơ	MC185a; 3P; 185A; điện áp cuộn hút 220V; tiếp điểm phụ 1NO+1NC	Cái	1						≤60 ngày			
59	Công tắc tơ	MC-18a; 18A/380V; 1NO+1NC; điện áp cuộn hút 220VAC, bao gồm tiếp điểm phụ 1NO+1NC	Cái	4						≤60 ngày			
60	Công tắc tơ	MC-18b; 18A/380V; 1NO+1NC; điện áp cuộn hút 220VAC, bao gồm tiếp điểm phụ 1NO+1NC	Cái	15						≤60 ngày			
61	Công tắc tơ	NC2-265; 265A/400V; 1NO+NC; điện áp cuộn hút 380VAC	Cái	1						≤60 ngày			
62	Công tắc tơ	SC-03; 3P/380V; 9A; 1NO+1NC; điện áp cuộn hút 220VAC	Cái	4						≤60 ngày			
63	Công tắc xoay 3 vị trí	XA2ED33; Ø22mm; 2NO	Cái	3						≤60 ngày			
64	Công tắc xoay 3 vị trí	YW1S-3E30; Ø22mm; màu đen; loại tự giữ	Cái	9						≤60 ngày			
65	Công tơ điện	A1700, 0.2Wh/imp, điện áp 3x57.7/100V, dòng điện 3x5(6)A, 50Hz	Cái	1						≤60 ngày			
66	Cửa tủ	590x590mm, khoét 7 lỗ 22mm; Vật liệu thép sơn tĩnh điện màu ghi	Cái	5						≤60 ngày			
67	Chặn cầu đấu	D-JST 2.5-TW	Cái	70						≤60 ngày			
68	Chặn cầu đấu	D-JURTK	Cái	28						≤60 ngày			
69	Chổi than	4P-50A; 660V	Cái	2						≤60 ngày			
70	Chống sét van	HY10W-24; 24kV; 10kA	Cái	3						≤60 ngày			
71	Chuông điện	220VAC; dạng đĩa 10inch	Cái	15						≤60 ngày			
72	Dây đai	9.5x0.38mm; Vật liệu SUS304; 30m/cuộn	Cuộn	2						≤60 ngày			
73	Domino	10A; 10P; HYT-1010	Cái	8						≤60 ngày			
74	Domino	10A; 20P; HYT-2010	Cái	22						≤60 ngày			
75	Domino	20A; 3P; 380V	Cái	4						≤60 ngày			
76	Domino	400A; 3P; HYT-4003	Cái	2						≤60 ngày			
77	Domino chặn 2 đầu	JEW 35	Cái	70						≤60 ngày			
78	Đầu cáp hạ áp	0.6/1kV TTE-HST-4-70/120mm2	Cái	4						≤60 ngày			

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
79	Đầu cáp hạ áp	Sử dụng cho cáp điện (3x70mm2+1x35mm2)	Cái	2						≤60 ngày			
80	Đầu cáp trung thế	MHO 24kV 3C-150/300 SQMM OD	Bộ	2						≤60 ngày			
81	Đầu cos bích	SC10-6; vật liệu đồng	Cái	20						≤60 ngày			
82	Đầu cos bích	SC10-8; vật liệu đồng	Cái	30						≤60 ngày			
83	Đầu cos bích	SC120-10; vật liệu đồng	Cái	18						≤60 ngày			
84	Đầu cos bích	SC120-12; vật liệu đồng	Cái	99						≤60 ngày			
85	Đầu cos bích	SC150-16; vật liệu đồng	Cái	10						≤60 ngày			
86	Đầu cos bích	SC16-10; vật liệu đồng	Cái	18						≤60 ngày			
87	Đầu cos bích	SC16-8; vật liệu đồng	Cái	134						≤60 ngày			
88	Đầu cos bích	SC25-10; vật liệu đồng	Cái	70						≤60 ngày			
89	Đầu cos bích	SC25-12; vật liệu đồng	Cái	18						≤60 ngày			
90	Đầu cos bích	SC35-10; vật liệu đồng	Cái	29						≤60 ngày			
91	Đầu cos bích	SC35-12; vật liệu đồng	Cái	18						≤60 ngày			
92	Đầu cos bích	SC35-8; vật liệu đồng	Cái	2						≤60 ngày			
93	Đầu cos bích	SC4-6; vật liệu đồng	Cái	40						≤60 ngày			
94	Đầu cos bích	SC4-8; vật liệu đồng	Cái	200						≤60 ngày			
95	Đầu cos bích	SC70-10; vật liệu đồng	Cái	58						≤60 ngày			
96	Đầu cos bích	SC70-14; vật liệu đồng	Cái	10						≤60 ngày			
97	Đầu cos chia	SV1.25-3; 1.25-3mm2; 100 cái/bích	Bích	1						≤60 ngày			
98	Đầu cos chia	SV1.25-4; 100 cái/bích	Bích	2						≤60 ngày			
99	Đầu cos chia	SV2-4; 1.5-2.5mm2; 100 cái/bích	Bích	7						≤60 ngày			
100	Đầu cos nối	GTY16; vật liệu đồng	Cái	18						≤60 ngày			
101	Đầu cos nối	GTY25; vật liệu đồng	Cái	18						≤60 ngày			
102	Đầu cos nối	GTY35; vật liệu đồng	Cái	20						≤60 ngày			
103	Đầu cos nối	GTY70; vật liệu đồng	Cái	6						≤60 ngày			
104	Đầu cos pin rỗng đôi	TE1508; 1.5mm2; 100 cái/bích	Bích	7						≤60 ngày			
105	Đèn báo	AD16-22SM; 24VDC; Ø22mm; màu đỏ; có còi	Cái	7						≤60 ngày			
106	Đèn báo	XA2EVM3LC; Ø22mm; 220-240VAC; Màu xanh	Cái	14						≤60 ngày			
107	Đèn báo	XA2EVM3LC; Ø22mm; 220-240VAC; màu xanh	Cái	1						≤60 ngày			
108	Đèn báo	XA2EVM4LC; Ø22mm; 220-240VAC; màu đỏ	Cái	12						≤60 ngày			
109	Đèn báo	XA2EVM5LC; Ø22mm; 220-240VAC; màu vàng	Cái	8						≤60 ngày			
110	Điện trở sấy	P=1kW; Điện áp 380V; 4U; 290x290mm	Cái	8						≤60 ngày			
111	Điện trở sấy	P=220W; U=220VAC; Ø12x350mm	Cái	4						≤60 ngày			
112	Giàn lạnh điều hòa	FVC100AV1V; 380VAC; công suất 36.000BTU	Cái	5						≤60 ngày			
113	Giàn lạnh điều hòa	FVRN160BXV1V; Lưu lượng gió 42 m3/min; 1.480CFM; Độ ồn (H/M/L) 59/54/50dBA; Giới hạn nhiệt độ hoạt động 4 tới 25CWB(kèm màn hình)	Cái	1						≤60 ngày			

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
114	Giàn lạnh điều hòa	MFSL-96HAN1; 380VAC; Công suất 96.000BTU	Cái	4						≤60 ngày			
115	Giàn nóng điều hòa	MOUL-96CD1N1-R; 380VAC; Công suất 96.000BTU	Cái	4						≤60 ngày			
116	Giàn nóng điều hòa	RC100AGY1V; 380VAC; 36.000BTU	Cái	5						≤60 ngày			
117	Giàn nóng điều hòa	RR160DBXY1V; Màu Trắng ngà; Máy nén Loại Scroll dạng kín; Công suất mô-tơ 4.5kW; Môi chất nạp R-410A 3.5kg; Dây hoạt động 21-46 CDB; kèm phụ kiện kết nối dàn lạnh FVGR06NV1	Cái	1						≤60 ngày			
118	Gioăng cao su	Cao su chịu dầu; Chân sứ 6kV, 0,4kV máy biến áp S10-1000/6 1000kVA	Bộ	1						≤60 ngày			
119	Gioăng cao su	Cao su chịu dầu; Chân sứ 6kV, 0,4kV máy biến áp S10-1250/6 1250kVA	Bộ	1						≤60 ngày			
120	Gioăng cao su	Cao su chịu dầu; Chân sứ 6kV, 0,4kV máy biến áp S10-1600/6 1600kVA	Bộ	1						≤60 ngày			
121	Gioăng cao su	Cao su chịu dầu; Chân sứ 6kV, 0,4kV máy biến áp S10-2000/6 2000kVA	Bộ	1						≤60 ngày			
122	Gioăng cao su	Cao su chịu dầu; Chân sứ 6kV, 0,4kV máy biến áp S10-800/6 800kVA	Bộ	1						≤60 ngày			
123	Hộp công tắc	WEG8973LH-VN	Cái	45						≤60 ngày			
124	Hộp đấu nối	BC-AG-20P-2; 160x160x70mm; 20 cầu đấu	Cái	24						≤60 ngày			
125	Hộp đấu nối	SG-TB-15P; kèm theo vít chân đế, 4 ốc siết cáp PG	Cái	10						≤60 ngày			
126	Hộp nối thanh ray	Hộp nhựa cách điện; Dùng cho thanh ray 32x42x6000mm	Cái	47						≤60 ngày			
127	Kẹp nối cáp	IPC35-95; bu lông M8	Cái	120						≤60 ngày			
128	Kẹp nhựa	E280/25; Đỡ ống Ø25mm	Cái	120						≤60 ngày			
129	Khóa cửa tủ điện	DSN-SMY; 220VDC	Cái	15						≤60 ngày			
130	Khóa đai	10cm; Vật liệu SUS304	Cái	10						≤60 ngày			
131	Khớp nối trơn	E242/25; Ø25mm; Vật liệu PVC	Cái	120						≤60 ngày			
132	Máng đèn chống nổ	VOCN200E27; Ø200xH460; IP65; Tiêu chuẩn phòng nổ: Exd IIBT03	Cái	60						≤60 ngày		Cấp giấy chứng nhận kiểm định phòng nổ	
133	Máng nhựa	25x25x2000mm; SWD2525	Cây	7						≤60 ngày			
134	Máng nhựa	45x45x2000mm; SWD4545	Cây	7						≤60 ngày			
135	Máy biến áp	ST630.3; 380/240VAC; 630VA; 50/60Hz	Cái	1						≤60 ngày			
136	Máy lạnh	CU/CS-PU18CKH-8D; 220VAC; Công suất 2HP-17.700BTU	Bộ	4						≤60 ngày			

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
137	Mặt che công tắc điện	WEV68020SW	Cái	55						≤60 ngày			
138	MCB	2P; 10A; 6kA; A9K27210	Cái	7						≤60 ngày			
139	MCB	3P; 400V; 6A; 6kA; A9F74306	Cái	7						≤60 ngày			
140	MCB	3P; 400VAC; 40A; A9K24340	Cái	1						≤60 ngày			
141	MCB	3P; 50A; 400VAC; A9K24350	Cái	2						≤60 ngày			
142	MCB	3P; 63A; 6kA; A9F74363	Cái	58						≤60 ngày			
143	MCB	4P; 32A; 6kA; A9F74432	Cái	4						≤60 ngày			
144	MCB	GV2RT05; 3P; 0.63...1A	Cái	2						≤60 ngày			
145	MCB	GV2RT07; 3P; 1.6...2.5A	Cái	2						≤60 ngày			
146	MCCB	1SDA066708R1; 3P; 125A; 18kA; kèm cần thao tác	Cái	2						≤60 ngày			
147	MCCB	3P; 16A; 18kA; XT1B	Cái	2						≤60 ngày			
148	MCCB	3P; 250A; 50kA; loại XT3S	Cái	2						≤60 ngày			
149	MCCB	3P; 440VAC; 400A; EZC630N3400N	Cái	1						≤60 ngày			
150	MCCB	ABN103C; 3P; 380VAC; 20A	Cái	2						≤60 ngày			
151	MCCB	ABN52C; 2P; 220V; 20A	Cái	1						≤60 ngày			
152	MCCB	ABN53C; 3P; 380V; 15A	Cái	3						≤60 ngày			
153	MCCB	ABN53C; 3P; 380V; 20A	Cái	6						≤60 ngày			
154	MCCB	ABN53C; 3P; 380V; 30A	Cái	1						≤60 ngày			
155	MCCB	DZ47-63 C63; 1P; 63A; 230/400V; 4kA	Cái	2						≤60 ngày			
156	MCCB	TS100L; 3P; 40A; 660V	Cái	9						≤60 ngày			
157	MCCB	TS160H; 3P; 250A; 690V	Cái	1						≤60 ngày			
158	Nút nhấn	XA2EA31; 1NO; Ø22mm; màu xanh	Cái	15						≤60 ngày			
159	Nút nhấn	XA2EA41; 1NO+1NC; Ø22mm; màu đỏ	Cái	11						≤60 ngày			
160	Nút nhấn	XA2EA42; 1NC; Ø22mm; màu đỏ	Cái	4						≤60 ngày			
161	Nút nhấn	XA2EA51; Ø22mm; 1NO+1NC; màu vàng	Cái	7						≤60 ngày			
162	Nút nhấn	XA2ES542; Ø22mm; 1NO+1NC	Cái	7						≤60 ngày			
163	Nút nhấn	XA7NA42; Ø22mm; màu đỏ	Cái	4						≤60 ngày			
164	Nút nhấn	XB7NA31; Ø22mm; màu xanh	Cái	2						≤60 ngày			
165	Nút nhấn có đèn báo	YW1L-M2E01QM3R; Ø22mm; 1NC; màu đỏ	Cái	9						≤60 ngày			
166	Nút nhấn có đèn báo	YW1L-M2E10QM3G; Ø22mm; 1NO; màu xanh	Cái	9						≤60 ngày			
167	Ngàm tiếp xúc	BCT6-B-3-400A; 380/660V; bao gồm cả ngàm đực và ngàm cái	Cái	14						≤60 ngày			
168	Nhãn tên cho nút nhấn	Ø22mm	Cái	63						≤60 ngày			
169	Ống nhựa luồn dây điện	Ø25x1.7x2920mm; Vật liệu PVC; SP9025	Cây	60						≤60 ngày			
170	Ống nhựa xoắn	Ø100/130mm; Vật liệu HDPE; màu cam	Mét	50						≤60 ngày			
171	Pin bộ lưu điện	Rack 2KS EBM; 72 VDC	Cái	6						≤60 ngày			

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
172	Pin lithium	SN294150D150A-LFP; 24VDC; 150Ah; 360x310x200mm	Cái	2						≤60 ngày			
173	Phích cắm công nghiệp	16A; 3P(2P+E); 220V; IP67; bao gồm phích cắm và ổ cắm	Bộ	6						≤60 ngày			
174	Phích cắm công nghiệp	32A; 4P(3P+E); 400V; IP67; bao gồm phích cắm và ổ cắm	Bộ	6						≤60 ngày			
175	Rơ le bán dẫn	SSR-25 DA; 25A; input 3-32VDC; output 24-380VAC	Cái	16						≤60 ngày			
176	Rơ le nhiệt	HGT18K; 1NO+1NC; dải làm việc: 8-12A	Cái	2						≤60 ngày			
177	Rơ le nhiệt	JR28-25; 10A	Cái	2						≤60 ngày			
178	Rơ le nhiệt	MT-12; 380V; dải làm việc 2.5-4A	Cái	4						≤60 ngày			
179	Rơ le nhiệt	MT-225; 690VAC; dải làm việc 65-100A	Cái	1						≤60 ngày			
180	Rơ le nhiệt	MT-32; 1NO+1NC; dải làm việc: 12-18A	Cái	4						≤60 ngày			
181	Rơ le nhiệt	MT-32; 380V; dải làm việc 9-13A	Cái	6						≤60 ngày			
182	Rơ le nhiệt	MT-32; 660V; dải làm việc 7-10A	Cái	9						≤60 ngày			
183	Rơ le nhiệt	TR-5-LN; 1NO+1NC; dải làm việc: 4-6A	Cái	4						≤60 ngày			
184	Rơ le thời gian	ST3PC-B; Dải thời gian cài đặt: 0.1-1s/10s/60s/6m; điện áp: 220VAC	Cái	2						≤60 ngày			
185	Rơ le trung gian	MY4N-GS-R AC220/240; 5A; 14 chân; kèm chân đế	Cái	11						≤60 ngày			
186	Sứ đứng	24kV; vật liệu Polyme	Cái	3						≤60 ngày			
187	Tay lấy điện	1P; 100A; bao gồm chổi than, tay lấy điện	Cái	8						≤60 ngày			
188	Tay lấy điện (Chổi than liền giá đỡ)	SDHJ-II-250A	Cái	8						≤60 ngày			
189	Tay lấy điện (Chổi than liền giá đỡ)	SDHJ-II500A	Cái	6						≤60 ngày			
190	Tay lấy điện (chổi than liền giá đỡ)	SDHJ-III 500A	Cái	16						≤60 ngày			
191	Tiếp điểm hành trình	LX4; AC-12; 16A; 380V	Cái	20						≤60 ngày			
192	Tụ bù	PRT.4415; 15KVAR; 440V; 19.70A; 50Hz	Cái	34						≤90 ngày			
193	Tụ bù	PRT.4420; 20KVAR; 440V; 26.28A; 50Hz	Cái	24						≤90 ngày			

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
194	Tủ điện	1200x700x400x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh khoan 38 lỗ Ø22mm, lớp ngoài bằng kính; bao gồm 10 nút nhấn màu xanh XA2EA31; 10 nút nhấn màu đỏ XA2EA34; 01 công tắc xoay 3 vị trí XA2ED33 2NO+2NC; 01 nút dừng khẩn cấp XA2ET42 1NO+1NC; 06 đèn báo màu vàng XA2EVM5LC; 10 đèn báo màu đỏ XA2EVM4LC; 1 MCB A9K27210; 10 MCB 1SAM350000R1011; 01 MCCB 3P 125A A1B; 06 công tắc tơ AF12-30-10-14, 1NO, kèm rơ le nhiệt TF42-16, 13-16A; 02 rơ le nhiệt TF42-4.2 3.2-4.2A; 02 Rơ le nhiệt TF42-10, 7.6-10A; 05 rơ le trung gian MY4N-GS-R AC220/240, kèm chân đế; 06 domino 4P 16A; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Tủ điện động cơ bơm, quạt khu D-11
195	Tủ điện	1200x800x400x1.5mm; Vật liệu: SUS304; 2 lớp cánh; bao gồm 03 nút nhấn xanh đỏ vàng dán nhãn "dừng, lên, xuống", 2 đèn báo đỏ dán nhãn "chạy thuận, chạy nghịch", 01 MCCB NM1-100S/3300, 3P 100A; 05 công tắc tơ simen 3TF49; 03 rơ-le thời gian F5-T0 gắn trên khởi động từ CJX2-12; 01 máy biến áp 500VA 660/36V; 01 MCB 2P C16; 01 Rơ le bảo vệ 3 pha GINRI JVR-380; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	2						≤60 ngày			Thay tủ nguồn tời căng băng tải BC01, BC02
196	Tủ điện	1500x800x500x1.5mm; vật liệu thép sơn tĩnh điện; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; Bao gồm 02 MCCB 1SDA066520R1 3P 100A; 03 MCCB 1SDA066515R1; 05 MCCB 1SDA066512R1; 01 bộ chuyển đổi nguồn tự động ATyS S 95034010, 4P, 100A kèm bộ điều khiển controller C25-16000025; 15 mét thanh đồng 3x12mm; 15 mét thanh đồng 3x15mm; 3 mét thanh đồng 5x15mm; 04 sứ đỡ 6D4 4P, 4x1 rãnh 6mm; 1 đồng hồ 0-500V; 3 biến dòng 150/5A, đồng hồ hiển thị dòng 0-150A; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Trạm biến áp NC.01.HT011

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
197	Tủ điện	1800x800x450x1.5mm; vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính, tủ được cắt 1 ô 96x96mm lắp đồng hồ báo đồng, khoét 3 lỗ Ø22mm; bao gồm 01 bộ ATS 3P 125A; 05 thanh cái 40x4x700mm; 10 sứ đỡ tròn SM30; 07 MCB 3P 20A S203M-C20; 02 MCB 3P 63A S203M-C63; 01 nút nhấn XA2EA31; 01 nút nhấn XA2EH061; 01 nút nhấn XA2EH051; 01 đèn báo XA2EVM3LC; 01 đèn báo XA2EVM4LC; 01 đèn báo XA2EVM8LC; 01 đồng hồ đo METSEPM2110; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Tủ điện XL-21; 00-16AP
198	Tủ điện	1800x800x450x1.5mm; vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; 2 tấm bên hông có thể tháo rời được mặt cánh trong 1 tủ được cắt 2 ô 96x96mm lắp đồng hồ báo đồng, khoét 4 lỗ Ø22mm; bao gồm 01 bộ ATS 3P 160A, 3P; 01 đồng hồ METSEPM2110 96x96mm; 02 MCB 3P 32A S203M-C32; 02 công tắc tơ AF12-30-10-14, 1NO, kèm tiếp điểm phụ CAL4-11 1NO+1NC, rơ le nhiệt TF42-13, 10-13A; 02 MCB 3P 63A S203M-C63; 02 công tắc tơ AF30-30-00-13 32A 1NO, kèm tiếp điểm phụ CAL4-11 1NO+1NC, Rơ le nhiệt TF42-35, 29-35A; 02 MCB 3P 32A S203M-C32; 02 MCB 3P 63A S203M-C63; 01 đèn báo màu xanh XB7EV03MP; 01 đèn báo màu vàng XB7EV03MP; 05 đèn báo màu đỏ XB7EV03MP; 01 nút nhấn XA2EA31; 01 nút nhấn XA2EH061; 01 nút nhấn XA2EH051; 05 thanh đồng 40x4x1000mm; 10 cục sứ SM25; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Tủ điện XL-21; 00-11AP
199	Tủ điện	1800x800x450x1.5mm; vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; được mặt cánh trong 1 tủ được cắt 2 ô 96x96mm lắp đồng hồ báo đồng, khoét 3 lỗ Ø22mm ; Bao gồm 01 cầu dao cắt tải ABB OT250F3; 01 đồng hồ METSEPM2110 96x96mm; 02 MCCB 3P 100A 18kA, loại A1B; 06 MCB 3P 63A 10kA, loại S203M-C63; 05 thanh đồng 40x4x700mm; 10 cục sứ SM30; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Tủ điện XL-21; 00-12AP

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
200	Tủ điện	1800x800x500x1.5mm; vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính, tủ được cắt 1 ô 96x96mm lắp đồng hồ bảo dòng, khoét 3 lỗ Ø22mm; bao gồm 01 bộ ATS 3P 125A; 05 thanh cái 40x4x700mm; 10 sứ đỡ tròn M30; 07 MCB 3P 20A S203M-C20; 02 MCB 3P 63A S203M-C63; 01 nút nhấn XA2EA31; 01 nút nhấn XA2EH061; 01 nút nhấn XA2EH051; 01 đèn báo XA2EVM3LC; 01 đèn báo XA2EVM4LC; 01 đèn báo XA2EVM8LC, 01 đồng hồ đo 1 đồng hồ METSEPM2110; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Tủ điện XL-21; 00-7AP
201	Tủ điện	1800x800x500x1.5mm; vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; bao gồm 01 bộ chuyển nguồn 95034012 ATyS S 4X125A3F 230V, kèm mạch điều khiển; 05 thanh cái 30x4x1000mm kèm sứ kẹp thanh cái; 03 MCCB NF63-HV 3P 10A 10kA; 03 MCCB NF63-HV 3P 16A 10kA; 2 MCCB NF63-HV 3P 63A 10kA; 01 nút nhấn XA2EA31; 01 nút nhấn XA2EH061; 01 nút nhấn XA2EH051; 01 đèn báo XA2EVM3LC; 01 đèn báo XA2EVM4LC; 01 đèn báo XA2EVM8LC; 01 công tắc xoay 3P4W 48x60mm; 01 đồng hồ đo điện áp BE-96-500V 96x96mm; 01 điện trở sấy tủ điện Hivero SH-100W; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Tủ điện 14-1AP
202	Tủ điện	1800x800x500x1.5mm; vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; Bao gồm 01 bộ chuyển nguồn 95034012 ATyS S 4X125A3F 230V, kèm mạch điều khiển; 05 thanh cái 30x4x1000mm kèm sứ kẹp thanh cái; 06 MCCB NF63-HV 3P 10A 10kA; 03 MCCB NF63-HV 3P 16A 10kA; 06 công tắc tơ S-T10 10A AC200V, kèm rơ le nhiệt TH-T18 3.6A; 01 nút nhấn XA2EA31; 01 nút nhấn XA2EH061; 01 nút nhấn XA2EH051; 01 đèn báo XA2EVM3LC; 01 đèn báo XA2EVM4LC; 01 đèn báo XA2EVM8LC; 01 công tắc xoay 3P4W 48x60mm; 01 đồng hồ đo điện áp BE-96-500V 96x96mm; 01 điện trở sấy tủ điện Hivero SH-100W; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	2						≤60 ngày			Tủ điện 14-10AP; 14-6AP

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
203	Tủ điện	1800x800x500x1.5mm; vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; Bao gồm 01 bộ chuyển nguồn 95034012 ATyS S 4X125A3F 230V, kèm mạch điều khiển; 05 thanh cái 30x4x1000mm kèm sứ kẹp thanh cái; 06 MCCB NF63-HV 3P 20A 10kA; 03 MCCB NF63-HV 3P 32A 10kA; 01 nút nhấn XA2EH061; 01 nút nhấn XA2EH051; 01 đèn báo XA2EVM3LC; 01 đèn báo XA2EVM4LC; 01 đèn báo XA2EVM8LC; 01 công tắc xoay 3P4W 48x60mm; 01 đồng hồ đo điện áp BE-96-500V 96x96mm; 01 điện trở sấy tủ điện Hivero SH-100W; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Tủ điện 14-3AP
204	Tủ điện	1800x800x500x1.5mm; vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; Bao gồm 01 bộ chuyển nguồn 95034012 ATyS S 4X125A3F 230V, kèm mạch điều khiển; 05 thanh cái 30x4x1000mm kèm sứ kẹp thanh cái; 07 MCCB NF63-HV 3P 10A 10kA; 02 MCCB NF63-HV 3P 16A 10kA; 07 công tắc tơ S-T10 10A AC200V, kèm rơ le nhiệt TH-T18 3.6A; 01 nút nhấn XA2EA31; 01 nút nhấn XA2EH061; 01 nút nhấn XA2EH051; 01 đèn báo XA2EVM3LC; 01 đèn báo XA2EVM4LC; 01 đèn báo XA2EVM8LC; 01 công tắc xoay 3P4W 48x60mm, 01 đồng hồ đo điện áp BE-96-500V 96x96mm; 01 điện trở sấy tủ điện Hivero SH-100W; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Tủ điện 14-7AP
205	Tủ điện	1800x800x500x1.5mm; vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; Bao gồm 01 bộ chuyển nguồn 95034012 ATyS S 4X125A3F 230V, kèm mạch điều khiển; 05 thanh cái 30x4x1000mm kèm sứ kẹp thanh cái; 07 MCCB NF63-HV 3P 10A 10kA; 03 MCCB NF63-HV 3P 16A 10kA; 07 công tắc tơ S-T10 10A AC200V, kèm rơ le nhiệt TH-T18 3.6A; 01 nút nhấn XA2EA31; 01 nút nhấn XA2EH06; 01 nút nhấn XA2EH051; 01 đèn báo XA2EVM3L; 01 đèn báo XA2EVM4LC; 01 đèn báo XA2EVM8LC; 01 công tắc xoay 3P4W 48x60mm; 01 đồng hồ đo điện áp BE-96-500V 96x96mm; 01 điện trở sấy tủ điện Hivero SH-100W; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Tủ điện 14-8AP

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
206	Tủ điện	1800x800x500x1.5mm; vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; Bao gồm 01 bộ chuyển nguồn 95034012 ATyS S 4X125A3F 230V, kèm mạch điều khiển; 05 thanh cái 30x4x1000mm kèm sứ kẹp thanh cái; 07 MCCB NF63-HV 3P 10A 10kA; 03 MCCB NF63-HV 3P 16A 10kA; 07 công tắc tơ S-T10 10A AC200V, kèm rơ le nhiệt TH-T18 3.6A; 01 nút nhấn XA2EA31; 01 nút nhấn XA2EH061; 01 nút nhấn XA2EH051; 01 đèn báo XA2EVM3LC; 01 đèn báo XA2EVM4LC; 01 đèn báo XA2EVM8LC; 01 công tắc xoay 3P4W 48x60mm; 01 đồng hồ đo điện áp BE-96-500V 96x96mm; 01 điện trở sấy tủ điện Hivero SH-100W; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Tủ điện 14-9AP
207	Tủ điện	1800x800x600x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; Bao gồm 01 bộ chuyển đổi nguồn OT630E03CP; 01 đồng hồ METSEPM2110 96x96mm; 01 MCB S203M-C63 3P 63A; 01 MCCB 1SDA066707R1 3P 100A; 04 MCB S201M-C6 1P 6A; 01 MCB S203M-C32 3P 32A; 04 MCB S203M-C20 3P 20A; 04 công tắc tơ AF12-30-10-14 3P 12A, kèm tiếp điểm phụ 2NO+2NC, rơ le nhiệt TA25DU-4M (2.8-4A); 01 công tắc tơ AX80-30-00-80, điện áp cuộn hút 220VAC, kèm tiếp điểm phụ 2NO+2NC, rơ le nhiệt TA75DU-80M (60-80A); 05 đèn báo màu đỏ XB7EV03MP; 05 thanh đồng 30x5x800mm; 04 sứ đỡ 6D4 4P; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Thay thế tủ A04-1AP
208	Tủ điện	1800x800x600x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; Bao gồm 01 MCCB 3P 500A A3N; 01 MCCB 3P 400A A3N; 02 MCCB 3P 125A A1B; 02 MCB 1P 6A S201M-C6; 01 MCB 3P 32A S203M-C32; 04 MCB 3P 20A S203M-C20; 02 công tắc tơ AF16-40-00-13 1NO, kèm tiếp điểm phụ CAL4-11 1NO+1NC; 2 đèn báo màu đỏ XB7EV03MP; 05 thanh đồng 30x4x800mm đột sẵn 10 lỗ Ø10m; 10 sứ đỡ SM25; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Thay thế tủ A04-3AP

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
209	Tủ điện	1800x800x600x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; Bao gồm 1 MCCB 3P 200A A2B; 04 MCB 1P 6A S201M-C6; 04 MCB 3P 63A S203M-C63; 04 MCB 3P 32A S203M-C32; 01 MCCB 3P 125A A1B; 04 công tắc tơ 1SBL297001R1300, kèm tiếp điểm phụ 2NO+2NC, rơ le nhiệt EF45-45 (15-45A); 04 đèn báo màu đỏ XB7EV03MP; 05 thanh đồng 30x4x800mm đột sẵn 10 lỗ Ø10mm; 10 sứ đỡ SM25; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Thay thế tủ A04-2AP
210	Tủ điện	350x250x200x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh; bao gồm: 01 công tắc xoay 3 vị trí; 01 nút nhấn start; 01 nút nhấn stop; máng cáp, cầu đấu, thanh ray... đầu nối hoàn thiện	Tủ	4						≤60 ngày			A-11YH1S014; A-11YH1S015; A-13YH1S013c; A-13YH1S014c
211	Tủ điện	400x250x150x1.5mm; vật liệu SUS304; 01 MCB 3P, 40A; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	4						≤60 ngày			Tủ cấp nguồn pa lăng điện D-05S1S005; A-14YH1S005; A-13YH1S015c,d
212	Tủ điện	400x300x150x1.5mm; vật liệu SUS304; Bao gồm: 1 ELCB 3P 380VAC, 100A, 300mA; 1 ELCB 2P 220VAC, 50A, 30mA; 2 đầu giắc cắm công nghiệp 16A: 1 pha và 3 pha; thanh ray nhôm, máng nhựa, cáp điện,... đầu nối hoàn thiện	Tủ	2						≤60 ngày			Tủ TK cấp nguồn sửa chữa các khu vực A-11
213	Tủ điện	400x300x150x1.5mm; Vật liệu thép sơn tĩnh điện; bao gồm 01 MCB 2P, 32A; 03 MCB 16A; 01 đồng hồ hẹn giờ; 01 công tắc tơ 3P 25A; 02 nút nhấn chạy dừng; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	4						≤60 ngày			Quạt thông gió D-12F1S001a, b; Quạt thông gió B-10F1S001c
214	Tủ điện	400x300x150x1.5mm; Vật liệu thép sơn tĩnh điện; bao gồm 01 MCB 2P, 32A; 03 MCB 16A; 01 đồng hồ hẹn giờ; 01 công tắc tơ 3P 25A; 2 nút nhấn chạy dừng; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	2						≤60 ngày			Quạt thông gió D-16F1S002a, b
215	Tủ điện	400x300x200x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh; bao gồm: 01 công tắc xoay 3 vị trí; 01 nút nhấn start; 01 nút nhấn stop; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	2						≤60 ngày			A-11YH1S008a,b

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
216	Tủ điện	400x300x200x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh; bao gồm: 01 đồng hồ đo dòng điện 200A; 01 công tắc xoay 3 vị trí; 01 nút nhấn start; 01 nút nhấn stop; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	2						≤60 ngày			A-11YH1S001a,b
217	Tủ điện	400x300x200x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh; bao gồm: 01 đồng hồ đo dòng điện 400A; 01 nút nhấn start; 01 nút nhấn stop; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	3						≤60 ngày			A-12YH1S005a,b,c
218	Tủ điện	400x300x200x1.5mm; Vật liệu SUS304; khoan sẵn 3 lỗ Ø20mm dưới đáy tủ; Bao gồm 01 MCB EZ9F34440; 04 MCB EZ9F34110; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	2						≤60 ngày			Hệ thống chiếu sáng khu vực A-18
219	Tủ điện	400x400x175x1.5mm; Vật liệu: SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; Bao gồm 01 nút dừng khẩn cấp (2NO+2NC, Ø22mm); 01 đèn báo xanh (24VDC, Ø22mm) dán nhãn "chạy", 01 đèn báo đỏ (24VDC, Ø22mm) dán nhãn "sự cố", 01 công tắc xoay 2 vị trí (loại tự giữ 2NO, Ø22mm) dán nhãn "tù xa/tại chỗ", 01 công tắc xoay 3 vị trí tự trả về (4NO, Ø22mm) dán nhãn "khởi động/dừng"; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	14						≤60 ngày			Thay thế tủ điều khiển cấp liệu lắc FE01~08; bồn pha keo tụ TA01~06
220	Tủ điện	400x600x150x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; bao gồm 01 rơ le trung gian RN4S-NL-D24; 01 MCCB NF63-SV 3P 63A; 02 công tắc tơ HGC12 11NS X220 220V 12A 1NC+1NO; 01 rơ le nhiệt HGT18K (8-12A), 690V; 03 cầu chì 1P, 32A, 690V; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Thay thế tủ điều khiển van nhập liệu bơm dòng tràn bồn rửa 1 A08YH1S018c
221	Tủ điện	450x300x200x1.5mm; vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; bao gồm 01 đồng hồ Ampe 50A; nút nhấn start, stop; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	6						≤60 ngày			Bơm nước thải A-08YH1S011a/b và A-08YH1S012a/b và bơm thải bùn A-08YH1S029a/b
222	Tủ điện	450x300x200x1.5mm; vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; bao gồm 01 đồng hồ Ampe 50A; nút nhấn start, stop; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây; dùng cho bơm biển tần	Tủ	6						≤60 ngày			Bơm dòng tràn bồn rửa 1 và bơm dòng tràn bồn lắng A-08YH1S018a/b/c/ và A-08YH1S013a/b/c/d

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
223	Tủ điện	450x300x200x1.5mm; vật liệu SUS304; bao gồm: 01 nút dừng khẩn cấp; 10 domino 16A; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	2						≤60 ngày			Bảng tài gầu A-02YH1S003a,b
224	Tủ điện	450x300x200x1.5mm; Vật liệu SUS304; Bao gồm: 01 nút nhấn màu xanh; 01 nút nhấn màu đỏ; 01 công tắc xoay 3 vị trí 2 tầng tiếp điểm NO XB5AD33N; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	2						≤60 ngày			Bảng tài gầu A-02YH1S003a,b
225	Tủ điện	450x300x200x1.5mm; vật liệu thép sơn tĩnh điện; 2 lớp cánh, khoan sẵn 3 lỗ Ø20mm dưới đáy tủ; Bao gồm nút nhấn start, stop, công tắc 2 vị trí, đèn báo; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Bảng tài A-17YH1S002
226	Tủ điện	450x650x200x1.5mm; Vật liệu: SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; Bao gồm 01 đèn báo xanh (220V, Ø22mm) dán nhãn "chạy", 01 đèn báo đỏ (220V, Ø22mm) dán nhãn "dừng", 01 công tắc xoay 3 vị trí tự giữ (2NO, Ø22mm) dán nhãn "chuyển mạch"; 1 nút nhấn màu xanh dán nhãn "chạy"; 01 nút nhấn màu đỏ dán nhãn "dừng"; 01 MCCB EZC100F; 20A; 690V; 02 cầu chì 6A; công tắc tơ LC1D40AM7, 690V, 1NO+1NC, cuộn hút 220V; rơ le nhiệt LRD22; 16-24A; 660V; 1 MCB C6 220V; 1 rơ le điện từ Samwha EOCR 3DM2-WRDUW; 1 máy biến áp 660V 380V/0.220V; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	2						≤60 ngày			Thay tủ điện tại chỗ cánh cào bề cô đặc TH101, TH201
227	Tủ điện	500x400x200x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, 4; khoan sẵn 7 lỗ Ø22mm; Bao gồm 02 nút nhấn màu xanh XA2EA31; 1 nút nhấn màu đỏ XA2EA34; 01 công tắc xoay 3 vị trí XA2ED33, 4NO; 02 đèn báo XA2EVM3LC; 01 đèn báo XA2EVM4LC; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Xe con rải liệu băng tải A-17YH1S002
228	Tủ điện	500x400x200x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính, khoan sẵn 3 lỗ Ø22mm; Bao gồm 01 nút nhấn màu xanh XA2EA31; 01 nút nhấn màu đỏ XA2EA34; 01 công tắc xoay 3 vị trí XA2ED33, 4NO+2NC; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	2						≤60 ngày			Bảng tài cấp than

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
229	Tủ điện	500x400x200x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính, tủ được khoét 1 ổ 96x96mm lắp đồng hồ báo dòng, 3 lỗ Ø22mm; Bao gồm 01 đồng hồ báo dòng 96x96mm 150/5A; 01 nút nhấn màu xanh XA2EA31; 01 nút nhấn màu đỏ XA2EA34; 01 công tắc xoay 3 vị trí XA2ED33, 4NO+2NC; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	3						≤60 ngày			Quạt ly tâm lọc bụi túi
230	Tủ điện	500x400x200x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính, tủ được khoét 1 ổ 96x96mm lắp đồng hồ báo dòng, 6 lỗ Ø22mm; Bao gồm 01 đồng hồ báo dòng 96x96mm 100/5A; 01 nút nhấn màu xanh XA2EA31; 01 nút nhấn màu đỏ XA2EA34; 01 công tắc xoay 3 vị trí XA2ED33, 4NO; 01 đèn báo XA2EVMD3LC; 2 đèn báo XA2EVMD4LC; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	4						≤60 ngày			Quạt khói B-01R2S053a,b,c,d
231	Tủ điện	500x400x200x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; bao gồm 01 MCB 3P, 32A; 10 MCB 16A; 01 đồng hồ hẹn giờ; 01 công tắc tơ 3P 25A; 01 cầu đấu thanh trung tính; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Tủ chiếu sáng
232	Tủ điện	500x400x250x1mm; Vật liệu thép sơn tĩnh điện; Bao gồm 01 RCBO NXBLE-63 50A 3P+N; 01 MCCB 3P 50A; 01 MCB 2P 32A, 01 MCB 1P 32A; 01 ổ cấp điện 3 lỗ đôi 10A-220V; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Lắp tủ điện sửa chữa cho phá bom hồ cầu tư
233	Tủ điện	500x400x300x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, loại tủ ngoài trời; bao gồm 01 CB 2P, 25A; 01 cầu chì 5A; 01 biến trở; 01 đồng hồ đo dòng; 01 mô đun điều khiển thyristor; 01 thyristor ≥20A (kèm tản nhiệt); máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	2						≤60 ngày			Bảng tải gầu A-02YH1S003a,b
234	Tủ điện	500x400x300x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính, khoét 3 lỗ Ø22mm; bao gồm 01 bộ chuyển nguồn tự động ATS 3 Pha 4P 63A YRO; 01 công tắc tơ AF12-30-10-14 3P 12A, 1NO, kèm tiếp điểm phụ CAL4-11 1NO+1NC; 01 nút nhấn màu xanh XA2EA31; 01 nút nhấn màu đỏ XA2EA34; 01 công tắc xoay 3 vị trí XA2ED33, 4NO+2NC; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Quạt hút hầm băng tải 12 C02DD1S008

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
235	Tủ điện	500x400x300x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính, khoét 5 lỗ Ø22mm; Bao gồm: 01 MCB 3P 16A S203M-C16; 01 MCB 1P 6A S201M-C6; 01 công tắc tơ AF12-30-10-14 3P 12A, 1NO, kèm tiếp điểm phụ CAL4-11 1NO+1NC, rơ le nhiệt TF42-10 (7.6-10A); 01 nút nhấn XA2EA31; 01 nút nhấn XA2EA34; 01 công tắc xoay 3 vị trí XA2ED33, 4NO+2NC; 01 đèn báo XA2EVM3LC; 01 đèn báo XA2EVM4LC; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	2						≤60 ngày			Nam châm dạng thanh C02R1S014
236	Tủ điện	500x400x300x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; Bao gồm: 01 đèn báo đỏ; 01 đèn báo xanh; 01 công tắc xoay 3 vị trí; 03 tiếp điểm NO; 02 nút nhấn NO; 01 domino khối 10 cầu đấu; 04 role trung gian 220V; 01 CB 1P 16A; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Bồn tách hơi A-06YH1S003
237	Tủ điện	500x400x300x1.5mm; vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; Bao gồm: 01 nút nhấn màu xanh, 01 nút nhấn màu đỏ; công tắc 3 vị trí; đèn báo tín hiệu; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	5						≤60 ngày			Bồn hòa tách A-06YH1S002(a~e)
238	Tủ điện	500x400x300x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; Bao gồm: 02 nút nhấn; 01 đồng hồ Ampe; 01 công tắc xoay 2 vị trí; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	33						≤60 ngày			Lọc bụi túi A-01F1S001a,b; Quạt ly tâm A-01F1S002a,b;...
239	Tủ điện	500x450x300x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; bao gồm: 04 đèn báo màu xanh; 03 nút nhấn chạy; 03 nút nhấn dừng; 01 còi cảnh báo; 01 nút vận; 01 màn hình led MT4W; 02 CB GV2-ME07C; 02 công tắc tơ LC1D09; 2 LRD-07C; 01 bộ chuyển đổi Z202-LP DC4-20mA DC24V; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	4						≤60 ngày			Máy rửa cánh vuông NC.01.EV01~04
240	Tủ điện	500x500x300x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính, khoan 3 lỗ Ø22mm; bao gồm 01 nút nhấn XA2EA31; 01 nút nhấn XA2EA34; 01 công tắc xoay 3 vị trí XA2ED33, 2NO+2NC; 01 MCCB 25...32A 25kA; 01 công tắc tơ AF12-30-10-14 3P 12A, 1NO, 01 rơ le nhiệt TF42-16 (13-16A); 02 domino 4P 32A; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	5						≤60 ngày			Lắp tủ điện cho bơm chìm hệ thống sản xuất khu vực HTĐA04, A05, A06

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
241	Tủ điện	500x500x400x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính, khoan 3 lỗ Ø22mm; bao gồm: 01 nút nhấn XA2EA31; 01 nút nhấn XA2EA34; 01 công tắc xoay 3 vị trí XA2ED33, 2NO+2NC; 01 MCCB 52...65A 30kA; 01 công tắc tơ AF52-30-00-13 3P 53A; 01 rơ le nhiệt TF65-47 (36-47A); 02 domino 4P 63A; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Máy tôi với A-02YH1S001
242	Tủ điện	600x400x250x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh; Bao gồm: 01 MCB EZ9F34310; 01 MCB iC60N, 6A 4.5kA , 2P; 01 công tắc tơ LC1E0601M5, kèm tiếp điểm phụ LAEN11; 01 rơ le nhiệt LRE10 (4-6A); 01 nút nhấn XB7NA35, 1NO+1NC; 01 nút nhấn XB7NA45, 1NO+1NC; 01 nút nhấn XB7NA81, 1NO+1NC; 01 đèn báo XB7EV03MP; 01 đèn báo XB7EV04MP; 01 công tắc xoay 3 vị trí XA2EJ33, 2NO; 01 tiếp điểm phụ ZA2EE101; 01 tiếp điểm phụ ZA2EE102; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	2						≤60 ngày			Tủ điều khiển van giếng phân dòng
243	Tủ điện	600x400x300x1.5mm; Vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; bao gồm 02 ổ cắm F435-6FC 63A 5P 400V, phích cắm đi kèm; 02 ổ cắm F3232-6, 32A 3P 230V phích cắm đi kèm; 01 ELCB ELCB EBN103C 50A 3P 300mA 18kA; 01 ELCB 2P EBN52c-50 50A 300mA 30kA; 01 đèn báo XA2EVM3LC; 01 đèn báo XA2EVM4LC; 01 đèn báo XA2EVM8LC; 03 cầu chì RT18-32X; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	12						≤60 ngày			Thay thế các tủ sửa chữa cho toàn bộ các khu vực của phân xưởng
244	Tủ điện	650x550x300x1.5mm; vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; lớp cửa trong khoan 7 lỗ Ø22mm; dưới đáy tủ khoan 2 lỗ Ø30mm; bao gồm 01 đồng hồ ampe 400A; nút nhấn start, stop; đèn báo, công tắc 3 vị trí; nút dừng khẩn cấp, biến trở LA42DWQ-22; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	1						≤60 ngày			Lắp đặt tủ biến tần thay thế cho tủ biến tần động cơ E-01S6S003c
245	Tủ điện	750x550x300mm; Vật liệu: SUS304; 2 lớp cánh; bao gồm 01 MCCB 3P 50A; 07 MCB 2P 25a; 02 MCB 2P 40A; 03 đèn báo xanh đỏ vàng; 03 cầu chì 2A kèm đế; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện	Tủ	1						≤60 ngày			Thay tủ nguồn chiếu sáng bằng tải BC01

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
246	Tủ điện nhựa nổi	MIP12104; 4 mô đun; Kích thước: 124x198x95mm; vật liệu: Nhựa; Cấp độ bảo vệ IP40	Cái	9						≤60 ngày			
247	Thanh gốp	4P-50A; 660V; tròn đường kính 3m; bao gồm 2 đoạn ghép với nhau bằng khớp nổi nhựa bảo vệ an toàn	Cái	2						≤60 ngày			
248	Thanh nhiệt chữ U	Công suất: 6kW; điện áp: 220V; Ø12, L= 650mm; vật liệu Inox 304; bộ gồm 2 thanh nhiệt được gắn trên mặt bích giữ	Bộ	9						≤60 ngày			
249	Thanh ray lấy điện	1P; 32x42x6000mm	Thanh	45						≤60 ngày			
250	Thanh ray lấy điện	1P-200A; 4m/thanh; bao gồm phụ kiện kèm theo	Thanh	72						≤60 ngày			
251	Thanh ray nhôm	DIN35-AL; 35x1mm	Thanh	14						≤60 ngày			
252	Thyristor	MTC-500A/1600V	Cái	4						≤60 ngày			
253	Vỏ tủ điện	2200x780x550x1.5mm; vật liệu thép sơn tĩnh điện; 2 lớp cánh cửa, tủ có 3 tấm gá phụ, bên ngoài khoét 3 lỗ Ø22mm, 1 lỗ hình chữ nhật 124x124mm; đáy tủ khoét 2 lỗ hình chữ nhật 124x124mm và có nắp bảo vệ cho lỗ quạt (150x150mm)	Cái	1						≤60 ngày			
254	Vỏ tủ điện	380x560x255x1.5mm; vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính	Cái	2						≤60 ngày			
255	Vỏ tủ điện	450x300x200x1.5mm; vật liệu SUS304; 2 lớp cánh; bao gồm 25 cầu đấu 16A; được đánh số thứ tự	Cái	3						≤60 ngày			
256	Vỏ tủ điện	450x300x300x1.5mm; vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính	Cái	1						≤60 ngày			
257	Biến áp điều khiển hình xuyên	R-50; Điện áp sơ cấp: 380VAC/220VAC; điện áp thứ cấp: 18 VAC; 50Hz; Công suất: 50VA	Cái	4						≤60 ngày			Lọc bụi tĩnh điện A-18YH1S014
258	Biến áp điều khiển hình xuyên	R-8; Điện áp sơ cấp 220VAC; Điện áp thứ cấp 15VAC; 50Hz	Cái	4						≤60 ngày			Lọc bụi tĩnh điện A-18YH1S014
259	Biến áp điều khiển hình xuyên	R-8; Điện áp sơ cấp 380VAC; Điện áp thứ cấp 18V; Dòng thứ cấp 0.6A; 50Hz	Cái	4						≤60 ngày			Lọc bụi tĩnh điện A-18YH1S014
260	Biến áp điều khiển hình xuyên	R-8; Điện áp sơ cấp 450VAC; Điện áp thứ cấp 15VAC; 50Hz	Cái	4						≤60 ngày			Lọc bụi tĩnh điện A-18YH1S014
261	Biến dòng	BH-0.66; 1500/5A; Dòng sơ cấp: 1500 A; Dòng thứ cấp: 5 A	Cái	1						≤60 ngày			Máy lọc bụi tĩnh điện A-18YH1S014
262	Biến dòng	LMZJ1-0.5; tỷ số 400/5A; cấp chính xác 0,5; công suất định mức: 5–3,75VA; Uđm 0,5kV; 50Hz; 1 vòng xuyên	Cái	1						≤60 ngày			Lọc bụi tĩnh điện A-18YH1S014
263	Biến tần	VACON0100-3L-0023-5+SRBT; 380VAC; 11kW; đi kèm bộ kit VACON-PAN-HMDR-MK01-2M	Cái	1						≤90 ngày			Tủ biến tần A-05DD1S005a
264	Biến tần	VACON0100-3L-0072-5-FLOW; 380VAC; 37KW, đi kèm bộ kit VACON-PAN-HMDR-MK01-2M	Cái	1						≤90 ngày			Tủ biến tần A-16DD1S005h

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
265	Biến tần	VACON0100-3L-0170-5-FLOW+SRBT+IP00; 380VAC; 90kW; đi kèm bộ kit VACON-PAN-HMDR-MK01-2M	Cái	1						≤90 ngày			Tủ biến tần A-08DD1S005.20
266	Biến tần	VACON0100-3L-0205-5+IP00; 380VAC; 110kW; đi kèm bộ kit VACON-PAN-HMDR-MK01-2M	Cái	2						≤90 ngày			Tủ biến tần A-13DD1S004b; Tủ biến tần A-13DD1S004e
267	Bóng đèn	H1 24V 75W	Cái	8						≤60 ngày			Xe tưới nước MAZ
268	Bóng đèn	H3 24V 100W	Cái	36						≤60 ngày			Máy xúc bánh xích HYUNDAI 140LC-9S 01, 02; Xe xúc lật HUYNDAI HL760-9S 03, 04, 05
269	Bộ bóng đèn led	100W; 220VAC; CP06/100W; ánh sáng trắng	Cái	50						≤60 ngày			
270	Bộ bóng đèn led	150W; 220VAC; CP06/150W; ánh sáng trắng	Cái	160						≤60 ngày			
271	Bộ bóng đèn led	HG-DLP10-400W; 220V; ánh sáng vàng	Cái	10						≤60 ngày			
272	Bộ điều khiển công suất Thyristor	DPC-381M; Điện áp hoạt động: 380VAC ±15%, 1 Pha, 50/60Hz; Tín hiệu điều khiển (Setpoint): 0-5VDC, 0-10VDC, 0-20mA, 4-20mA	Cái	2						≤60 ngày			Tủ điều khiển lọc bụi tĩnh điện 1,2
273	Bộ giám sát bình điện	Battery type NICD&VRLA; Model: C40	Cái	20						≤60 ngày			Hệ thống điện một chiều B-11DG1S003b
274	Bộ sạc	HD22020-3; input 380-400VAC 15A; output 220VDC; 20A	Cái	2						≤90 ngày			Hệ thống điện một chiều B-11DG1S003b
275	Bộ sạc	TB22010; input: 380VAC; output: 220VDC	Cái	4						≤90 ngày			Phòng ắc quy PD2 D-13DG1S002; Phòng ắc quy PD5 D-15DG1S002
276	Cầu chì	10A	Cái	30						≤60 ngày			
277	Cầu chì	15A	Cái	30						≤60 ngày			
278	Cầu chì	20A	Cái	30						≤60 ngày			
279	Cầu chì	20A-24V	Cái	30						≤60 ngày			
280	Cầu chì	30A	Cái	30						≤60 ngày			
281	Cầu chì	RT18-32X; 10x38mm; 500-690V	Cái	8						≤60 ngày			
282	Công tắc tơ	LC1D18M7; 18A/440V; 1NO+1NC; điện áp cuộn hút 220VAC	Cái	2						≤60 ngày			
283	Công tắc xoay 3 vị trí	LW26-20A; 690V; 20A	Cái	4						≤60 ngày			
284	Công tắc xoay 3 vị trí	LW8D-10/3; 10A	Cái	2						≤60 ngày			
285	Chỉnh lưu	SKKT 500/16E	Cái	5						≤60 ngày			
286	Domino	300A; 3P; HYT-3003	Cái	3						≤60 ngày			
287	Domino tép	Ghim 20A; 2.5mm2; JUT3-2.5	Cái	70						≤60 ngày			
288	Đầu cos bích	SC150-14; vật liệu đồng	Cái	30						≤60 ngày			
289	Đầu cos bích	SC185-16; vật liệu đồng	Cái	30						≤60 ngày			

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
290	Đầu cos bích	SC240-12; vật liệu đồng	Cái	114						≤60 ngày			
291	Đầu cos bích	SC25-6; vật liệu đồng	Cái	30						≤60 ngày			
292	Đầu cos bích	SC50-10; vật liệu đồng	Cái	30						≤60 ngày			
293	Đầu cos bích	SC95-10; vật liệu đồng	Cái	34						≤60 ngày			
294	Đầu cos chĩa	VF1.25-3, 100 cái/bịch	Bịch	30						≤60 ngày			
295	Đầu cos pin rỗng	E1008; màu đỏ; 100 cái/bịch	Bịch	2						≤60 ngày			
296	Đầu cos pin rỗng	E1008; màu xanh dương; 100 cái/bịch	Bịch	2						≤60 ngày			
297	Đầu cos pin rỗng	E1508; màu đỏ; 100 cái/bịch	Bịch	2						≤60 ngày			
298	Đầu cos pin rỗng	E1508; màu xanh dương; 100 cái/bịch	Bịch	2						≤60 ngày			
299	Đèn báo	AD62-22D/S; AC/DC24V	Cái	4						≤60 ngày			
300	Điện trở giảm chấn	DR-100; Ø100mm; L=228mm; R=100 Ω	Cái	4						≤60 ngày			
301	Điện trở sấy	P=2.2kW; Điện áp 380V; Ø620x810mm	Cái	16						≤60 ngày			
302	Đồng hồ đo dòng điện	42L6-A; 1500/5A	Cái	3						≤60 ngày			
303	Đồng hồ đo dòng điện	6C2-A; 0-1.5A; 80x80mm	Cái	4						≤60 ngày			
304	Đồng hồ đo điện áp	42L6-V; 450V	Cái	1						≤60 ngày			
305	Đồng hồ đo điện áp	6C2-V; 0-100kV (500μA); 80x80mm	Cái	4						≤60 ngày			
306	Đồng hồ đo điện áp	6L2-V; 0-450V (450/15V); 80x80mm	Cái	1						≤60 ngày			
307	Đui đèn	E27; xoáy treo	Cái	20						≤60 ngày			
308	Giắc cắm công nghiệp	16 chân; 16A; IP65	Cái	60						≤60 ngày			
309	Hộp nối dây điện	Hi BoxDS-PG-10P; 110x75x40mm, bao gồm 10 cầu đầu; IP67, loại 2 đầu vào, 2 đầu PG9, nhựa ABS	Cái	97						≤60 ngày			
310	Hộp nối ray điện	314x271x98x45mm (nối thanh ray điện 30x45x6000mm); 500A	Cái	10						≤60 ngày			
311	Máy biến áp	SCB10-800/6, 6±2x2.5%/0.4kV, Dyn1	Cái	1						≤60 ngày			B-01DD1S002a
312	Máy cắt	3AF0143, Ur 40,5kV, Fr 50/60Hz, Ir 630A, Isc 25kA tk 3S; chu trình đóng cắt O-o.3S-CO-3 Min-CO	Cái	1						≤90 ngày			Trạm biến áp NC.01.HT011
313	Máy cắt	MVS208H3NW2AH-OF (Ref: GCR_MVSB2_CB+48468) 3P; 800A	Cái	7						≤90 ngày			Tủ điện hạ thế Tủ điện hạ thế A-14DD2S001.01~15; C-01DD1S003.01~19; B-12DD1S003.a1~a3,b1~b10

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
314	Máy cắt hạ áp	CW2500; In=2000A; Ue 400V; Ics 85kA; Ui 1kV	Cái	4						≤90 ngày			Tủ điện hạ thế C-08DD1S003(a~k); Tủ điện hạ thế A-18DD1S003(a~k)
315	Máy cắt hạ áp	CW2500; In=2500A; Ue 400V; Ics 85kA; Ui 1kV	Cái	2						≤90 ngày			Tủ điện hạ thế C-08DD1S003(a~k)
316	MCB	2P; 400VAC; 10A; 6kVA; SH202-C10	Cái	4						≤60 ngày			
317	MCCB	NM1-400S/3300; 400A; 690VAC	Cái	1						≤60 ngày			
318	Nút dừng khẩn cấp	HW1B-V4F01-R-EMO-2; Ø22.3 mm; 1NC; màu đỏ; kèm nhãn dán Ø60mm (HWAV-27-Y) và nắp bảo vệ (HW9Z-KG5)	Cái	4						≤60 ngày			
319	Rơ le bán dẫn	GTJ48-20A	Cái	1						≤60 ngày			
320	Rơ le bảo vệ	Nguồn: 60-250VDC/100-230 VAC; nguồn Input (Đầu vào): 220VDC; CT/VT: In 1/5A; Vn=50-130V 50-60 Hz; Chức năng bảo vệ so lệch MBA F87T, bảo vệ chạm đất hạn chế F87N, bảo vệ quá dòng vô hướng F50/51, F50N/51N, bảo vệ quá tải F49, F50BF...; Chuẩn truyền thông: IEC61850, cổng RJ45 đáp ứng cầu kết nối SCADA; Micom P632 (reference: Model: P632-3B9011H0-316-421-675-705-464-973)	Cái	1						≤90 ngày			Trạm biến áp NC.01.HT011
321	Rơ le bảo vệ	Nguồn: 60-250VDC/100-230VAC; Nguồn input: 220VDC; CT/VT: In 1/5A; Vn=50-130V; S. Giao thức truyền thông: IEC 61850, DNP3 serial and Ethernet, Modbus salve and Master; P5F30 (P5F30-EACB-GABAA-BAEA).	Cái	16						≤90 ngày			Phóng phân phối điện cao áp khu vực PD0
322	Rơ le nhiệt	TR-5-1N/3; 1NO+1NC; dải làm việc: 12-18A	Cái	9						≤60 ngày			Lọc bụi tĩnh điện A-18YH1S014
323	Rơ le trung gian	MY2N-J 220VAC	Cái	3						≤60 ngày			Lọc bụi tĩnh điện A-18YH1S014
324	Sứ cách điện	Ø150/410mmx630mm	Cái	6						≤60 ngày			Lọc bụi tĩnh điện 1,4
325	Tai treo ray điện	44x60x62mm; vật liệu nhựa	Cái	20						≤60 ngày			

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
326	Tủ điện	400x500x250x1.5mm; vật liệu SUS304; 2 lớp cánh, lớp ngoài bằng kính; bao gồm: 02 đèn báo màu đỏ Ø22mm, 220VAC; 01 đèn báo màu xanh Ø22mm, 220VAC; 01 đèn báo màu vàng Ø22mm, 220VAC; 02 công tắc xoay 2 vị trí Ø22mm, 1NO+1NC; 01 nút nhấn màu vàng Ø22mm, 2NO+1NC; 01 nút nhấn màu xanh Ø22mm, 2NO+1NC; 01 nút nhấn màu đỏ Ø22mm, 2NO+1NC; 01 MCB 3P 16A; 01 MCB 1P 3A; 02 công tắc tơ LC1E1210M6, kèm tiếp điểm phụ LAEN11 1NO+1NC, 01 rơ le nhiệt LRE08; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	8						≤60 ngày			Tủ điều khiển van gió đáy lò 5-12
327	Tủ điện	450x300x200x1.5mm; vật liệu thép sơn tĩnh điện; 2 lớp cánh, khoan 3 lỗ Ø20mm dưới đáy tủ; bao gồm nút nhấn start, stop, công tắc 2 vị trí, đèn báo tín hiệu; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	7						≤60 ngày			Quạt ly tâm A-19YH1S003a, b; gầu nâng A-19YH1S001a, b; Mô đốt A-18YH1S009; A-18YH1S007; A-18YH1S010
328	Tủ điện	450x300x200x1.5mm; vật liệu thép sơn tĩnh điện; 2 lớp cánh, khoan 3 lỗ Ø20mm; bao gồm 04 công tắc xoay 3 vị trí XA2ED33, 4NO+2NC; máng cáp, cầu đấu, thanh ray, cáp điện,...đầu nối hoàn thiện đánh số các đầu dây	Tủ	2						≤60 ngày			Tủ điều khiển động cơ đánh rung bản cực âm, cực dương Lọc bụi tĩnh điện A-18YH1S014
329	Thyristor	KP500A; 1600V; 500A	Cái	8						≤60 ngày			Lọc bụi tĩnh điện A-18YH1S014
330	Máy lạnh	9000BTU; 220V; R410A/R290; Sowa S130	Cái	2						≤60 ngày			Cầu trực cấp than ngoài trời
331	Rơ le thời gian	ST3PC-B; Dải thời gian cài đặt: 0.1-1s/10s/60s/6m; điện áp: 220VAC	Cái	2						≤60 ngày			Máy lọc đĩa A-10YH1S003a,b
332	Biến tần	VACON0100-3L-0003-5+FBIE; 1.1kW; 380V	Cái	1						≤90 ngày			Bơm định lượng NH3 B-05R1S011a
	Tổng cộng												